

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Thị trường lao dốc mạnh do tác động tiêu cực từ dịch cúm Virus Corona

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL phái sinh giảm mạnh

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

MWG, HPG

[Quan điểm đầu tư]

Bán cân bằng lại tỷ trọng nắm giữ

30/01/2020

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|-----------|---------------------|
| VNIndex | 959.58 | -3.22 |
| VN30 | 875.82 | -3.66 |
| HĐTL VN30 | 873.00 | -3.96 |
| HNXIndex | 104.11 | -2.04 |
| HNX30 | 182.13 | -2.61 |
| UPCoM | 55.73 | -0.87 |
| USD/VNĐ | VND23,180 | +0.04 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 3.11 | +5 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 2.30 | +15 |
| Dầu (WTI, \$) | 53.33 | +0.00 |
| Vàng (LME, \$) | 1,580.41 | +0.23 |

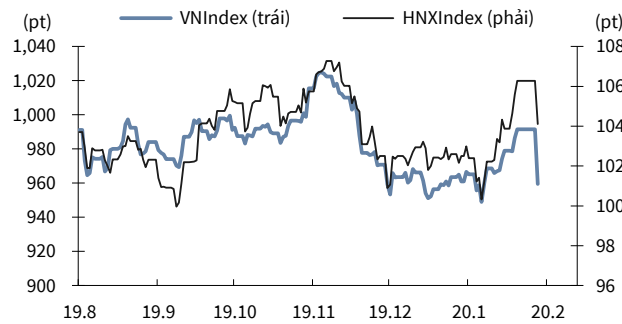


Điểm nhấn thị trường

| | |
|------------------------------------|------------------------|
| VNIndex | 959.58 (-3.22%) |
| KLGD (triệu CP) | 181.4 (+40.6%) |
| GTGD (triệu US\$) | 197.6 (+28.5%) |
| HNXIndex | 104.11 (-2.04%) |
| KLGD (triệu CP) | 29.8 (+20.6%) |
| GTGD (triệu US\$) | 14.3 (+40.0%) |
| UPCoM | 55.73 (-0.87%) |
| KLGD (triệu CP) | 8.9 (+20.7%) |
| GTGD (triệu US\$) | 5.1 (+14.4%) |
| NĐTNN mua ròng (triệu US\$) | -7.9 |

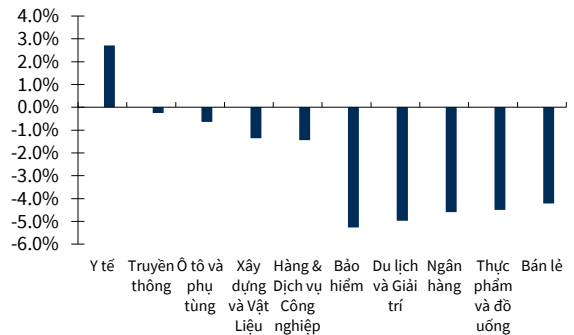
Phiên giao dịch đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ kéo dài chứng kiến thị trường lao dốc mạnh ngay thời điểm mở cửa do tác động tiêu cực từ dịch cúm Virus Corona. Nhóm cổ phiếu ngân hàng chịu áp lực bán mạnh và giảm sâu (VCB, BID, MBB) do nhóm ngành này đã trải qua nhịp tăng mạnh trước kỳ nghỉ lễ. Cổ phiếu ngành dầu khí (GAS, PVD, PVS), do chịu thêm tác động từ diễn biến lao dốc của giá dầu thế giới trong hơn 1 tuần vừa qua, giảm mạnh hơn so với thị trường chung. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu thuộc các ngành mang tính phòng thủ như dược (DVN, DHG, IMP) và điện (PPC, VSH, NT2) đi ngược thị trường và tăng điểm trong phiên hôm nay. Ngoài ra, nhóm cổ phiếu ngành dệt may (TCM, EVE, VGG), tiếp tục hưởng lợi từ việc Châu Âu thông qua EVFTA, có phiên tăng điểm nhẹ. Đáng chú ý, mã cổ phiếu vốn hóa lớn nhất thị trường, VIC, đi ngang trong bối cảnh KQKD Q4 của doanh nghiệp này sẽ sớm được công bố trong thời gian tới. Khối ngoại có phiên bán ròng, sau 5 phiên mua ròng liên tiếp trước đó trên sàn HSX, tập trung ở VNM, MSN và VJC, cũng là các mã thuộc ngành tiêu dùng, hàng không, được đánh giá sẽ chịu tác động mạnh nếu dịch cúm Corona bùng phát.

VN Index & HNX Index



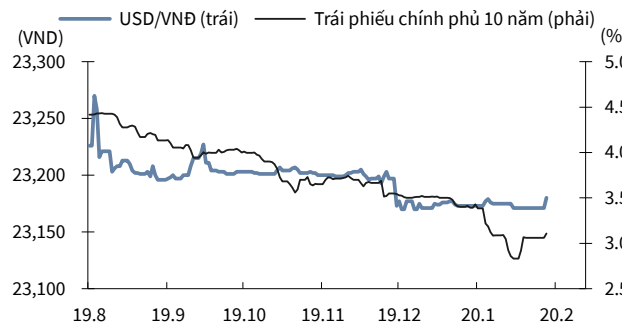
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



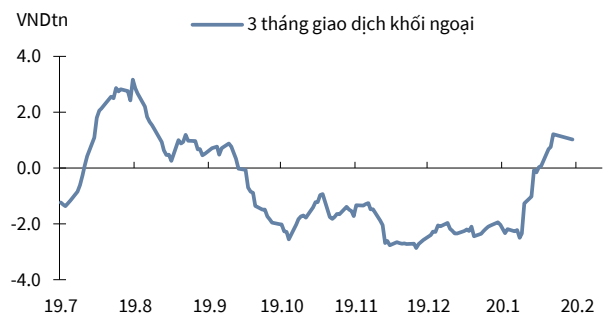
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

| | |
|-----------------------|-------------------------|
| VN30 | 875.82 (-3.66%) |
| VN30 tương lai | 873.0 (-3.96%) |
| Mở cửa | 903.6 |
| Cao nhất | 904.0 |
| Thấp nhất | 873.0 |
| Hợp đồng | 106,211 (+64.6%) |
| KL HĐ mở OI | N/A |

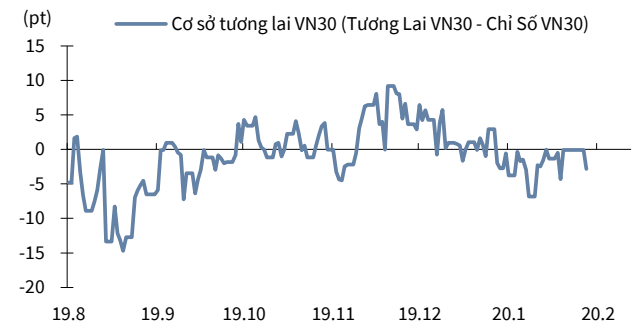
Tương tự giao dịch trên thị trường cơ sở, các HĐTL phái sinh giảm mạnh trong phiên hôm nay, với F2002 giảm sâu hơn chỉ số VN30 Index, khiến chênh lệch âm tăng nhẹ lên mức gần 3 điểm, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư về khả năng xuất hiện nhịp hồi phục trong các phiên sắp tới. Thanh khoản trên thị trường tăng vọt lên mức cao. Nhà đầu tư nước ngoài cũng có phiên giao dịch sôi động với khối lượng bán ròng nhẹ ở F2002. Với việc mai là phiên tái cơ cấu danh mục VN30, DPM và GMD được thay bởi PLX và POW, thị trường HĐTL chỉ số VN30 dự kiến sẽ tiếp tục có phiên giao dịch sôi động.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



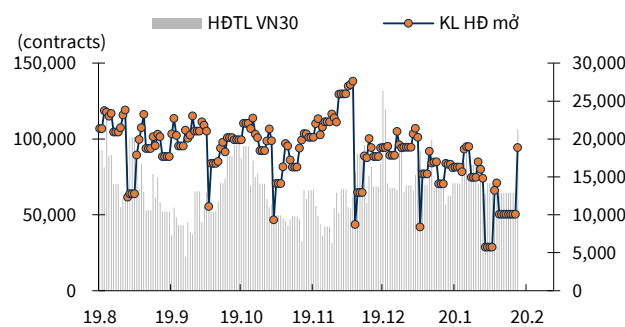
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



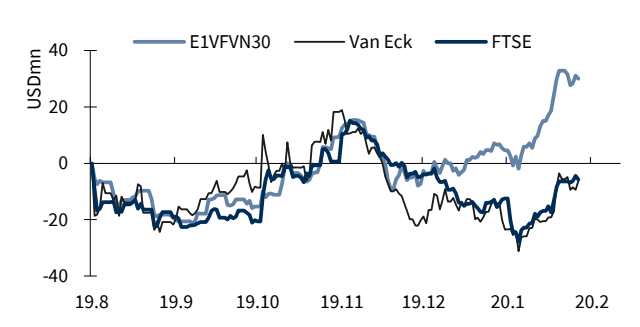
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

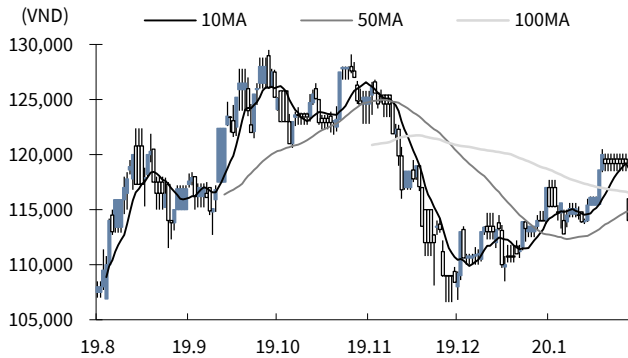
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

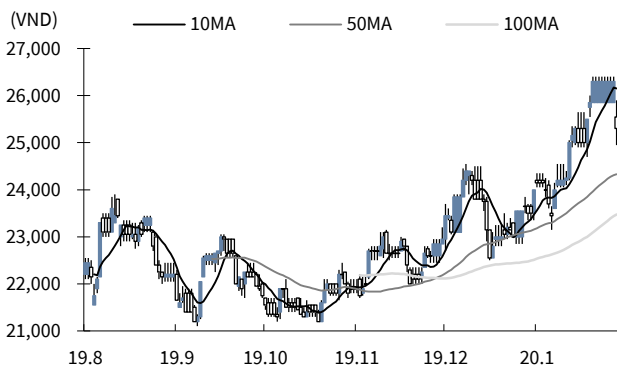
Thế Giới Di Động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm -4.4% xuống 114,000 VNĐ/cp.
- BCTC hợp nhất quý 4/2019 của MWG cho biết doanh nghiệp đạt doanh thu 25,716 tỷ đồng, tăng hơn 20% so với cùng kỳ. Lợi nhuận MWG trong quý 4 tương ứng tăng 24% lên 860 tỷ đồng. Đóng góp chính vào tăng trưởng của MWG tiếp tục đến từ mảng Điện Máy Xanh với tốc độ mở rộng cửa hàng tương đối nhanh.
- Lũy kế cả năm, MWG ghi nhận doanh thu 103,458 tỷ, tăng 18%; lợi nhuận sau thuế đạt 3,834 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2018.

Hòa Phát (HPG)



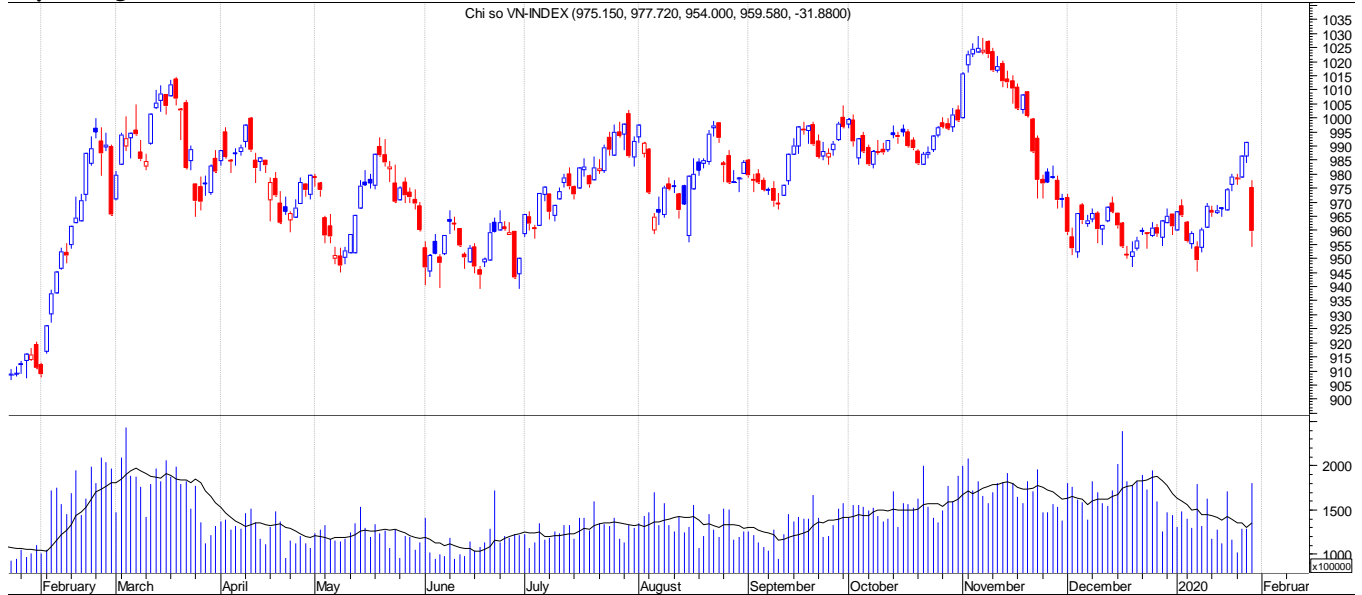
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm -3.8% xuống 25,300 VNĐ/cp.
- BCTC hợp nhất quý 4/2019 của HPG cho biết doanh nghiệp đạt doanh thu 18,282 tỷ đồng, tăng hơn 25% so với cùng kỳ. Lợi nhuận HPG trong quý 4 tăng 9% lên 1923 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho biết mức tăng trưởng doanh thu quý 4 tăng ấn tượng đến từ việc sản lượng thép xây dựng, ống thép đạt kỷ lục cao nhất từ trước đến nay.
- Lũy kế cả năm, HPG ghi nhận doanh thu 65,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 7,500 tỷ đồng; giảm lần lượt 7.7% và 12% so với năm 2018.

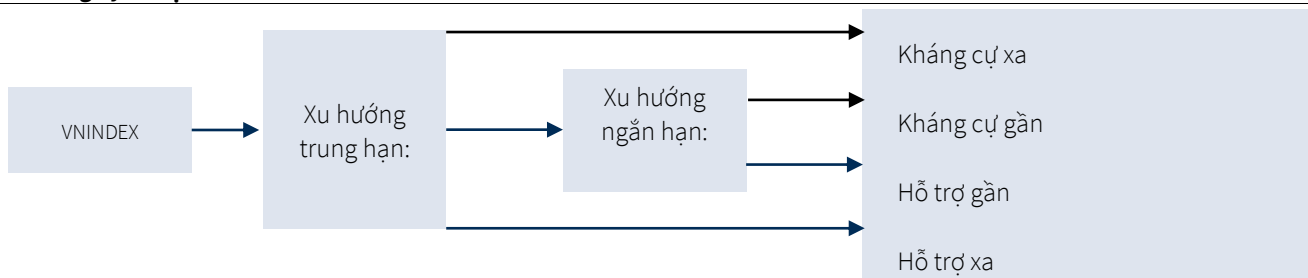
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



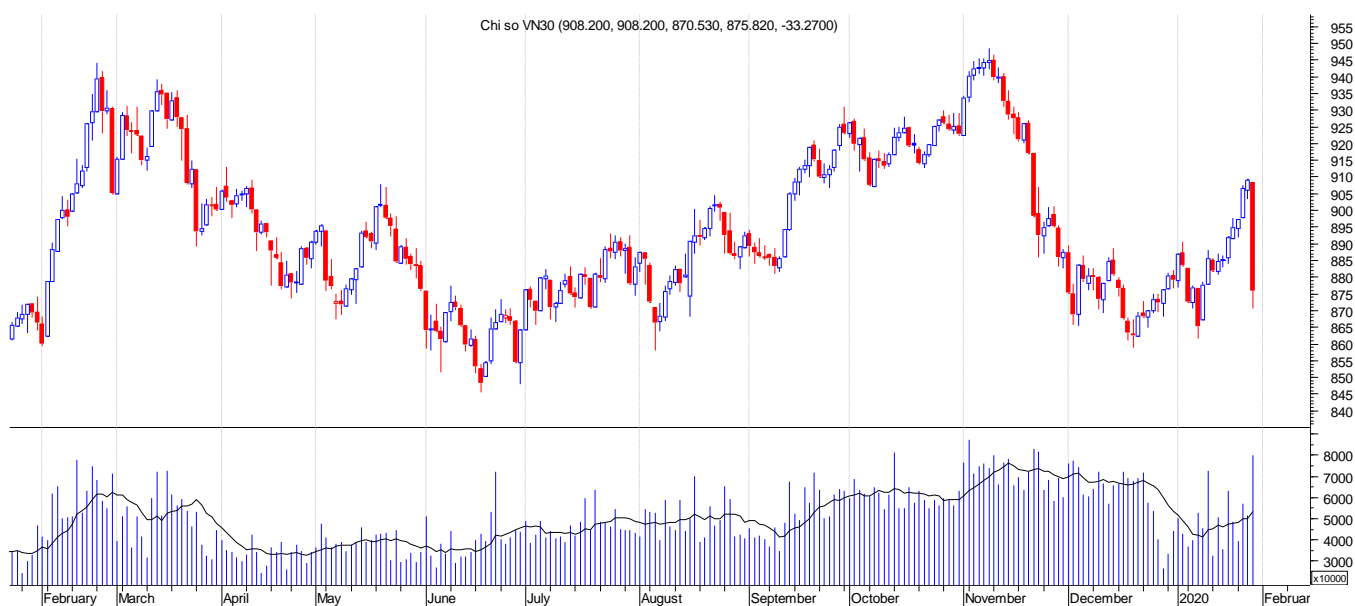
Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Mặc dù đã lưu ý về khả năng điều chỉnh nhưng diễn biến lao dốc của VNIndex trong phiên hôm nay, tạo gap và xuyên thủng luôn vùng hỗ trợ mạnh quanh 970, đã tiêu cực hơn khá nhiều so với kịch bản dự báo của chúng tôi.
- Diễn biến này đã xóa bỏ hoàn toàn thành quả của gần 2 tuần tăng điểm trước đó, kể cả sau khi dải Bollinger bắt đầu mở ra sau giai đoạn thắt hẹp, và điều này khiến xu hướng thị trường quay lại trạng thái trung tính.
- Như vậy, mặc dù chúng tôi cho rằng thị trường sẽ sớm xuất hiện nhịp hồi phục trở lại nhưng trong KB VNIndex hồi lên vùng 965-970, NĐT nên bán cân bằng lại tỷ trọng nắm giữ khi cơ hội tạo đáy trung hạn thành công của nhịp trước đã giảm xuống.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VN30 đảo chiều như dự báo nhưng đã phá sâu xuống dưới vùng hỗ trợ 885-887 theo kịch bản kỳ vọng của chúng tôi.
- Như vậy, tương tự như VNIndex, chỉ số có thể xuất hiện nhịp hồi phục kĩ thuật nhưng xu hướng sau đó đã trở nên trung tính, làm giảm cơ hội tạo đáy trung hạn thành công của nhịp trước.
- Trong kịch bản chỉ số hồi phục lên vùng 885-887, NĐT được khuyến nghị đóng 1 phần vị thế LONG theo trend đã mở. Đối với những nhà đầu tư năng động, có thể kết hợp mở các vị thế SHORT ngắn trong phiên.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

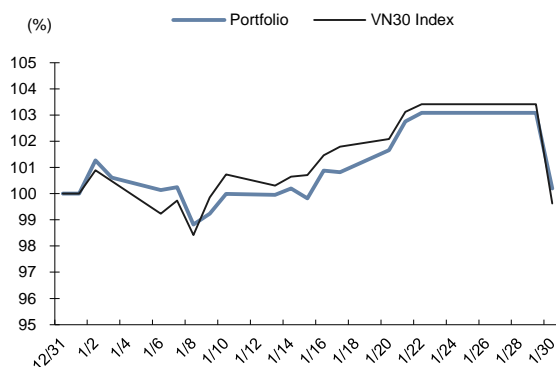
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN Index 30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|-------------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -3.66% | -2.81% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -0.37% | 0.19% |

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 30/01/2020 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|--|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 114,000 | -4.4% | 2.8% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 27,400 | -2.5% | 4.9% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuan Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 87,700 | -3.9% | 19.1% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 21,250 | -5.1% | 13.6% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 35,800 | -3.2% | 8.8% | - Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 54,700 | -3.2% | 46.8% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| PV Drilling (PVD) | 06/01/2020 | 14,250 | -4.7% | -5.7% | - Kỳ vọng đã hồi phục của giá dầu tiếp diễn - Giá thuê dân khoan theo ngày đang có xu hướng tăng trở lại - Khả năng tiếp tục thu hồi được 1 phần nợ xấu trong năm 2020 |
| Power Const No. 1 (PC1) | 06/11/2019 | 17,800 | -3.0% | -3.2% | - Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020. |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 25,300 | -3.8% | 12.2% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Petro Tech Services (PVS) | 15/08/2018 | 17,300 | -5.5% | 3.6% | - Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0% |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoài

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | -3.8% | 38.5% | 58.1 |
| CTG | -4.9% | 29.7% | 46.1 |
| VHM | -2.2% | 15.0% | 20.1 |
| GAS | -3.1% | 3.6% | 17.0 |
| HDB | -3.6% | 23.3% | 12.4 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VNM | -3.9% | 58.8% | -78.7 |
| MSN | -6.2% | 39.2% | -42.3 |
| VJC | -4.4% | 19.6% | -39.6 |
| VCB | -4.8% | 23.8% | -33.5 |
| VIC | 0.0% | 14.8% | -29.0 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoài

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVS | -5.5% | 21.5% | 1.8 |
| PVC | -1.5% | 12.9% | 0.7 |
| PVI | -3.7% | 54.3% | 0.2 |
| NRC | 1.0% | 28.2% | 0.2 |
| NBC | 0.0% | 6.2% | 0.1 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| NDN | -7.1% | 1.9% | -3.1 |
| TNG | -2.4% | 16.6% | -2.3 |
| SHB | -2.6% | 10.7% | -1.6 |
| HUT | 0.0% | 22.8% | -0.7 |
| VCS | -1.7% | 2.2% | -0.2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Y tế | 3.8% | DHG, IMP |
| Ô tô và phụ tùng | 2.4% | TCH, HHS |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 0.1% | TLG, LIX |
| Tài nguyên Cơ bản | -0.3% | DHC, VIS |
| Bất động sản | -0.3% | VHM, PDR |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Công nghệ thông tin | -5.1% | FPT, CMG |
| Du lịch và Giải trí | -5.1% | HVN, VJC |
| Thực phẩm và đồ uống | -4.1% | SAB, MSN |
| Bảo hiểm | -3.3% | BVH, BMI |
| Truyền thông | -1.4% | PNC, AAA |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Ô tô và phụ tùng | 13.0% | TCH, HHS |
| Tài nguyên Cơ bản | 4.4% | HPG, NKG |
| Ngân hàng | 3.4% | BID, CTG |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 1.2% | TCM, LIX |
| Y tế | 0.7% | IMP, DHG |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Bảo hiểm | -7.2% | PNC, YEG |
| Du lịch và Giải trí | -6.4% | BVH, PGI |
| Công nghệ thông tin | -5.5% | HVN, VJC |
| Xây dựng và Vật Liệu | -5.4% | FPT, CMG |
| Truyền thông | -4.5% | ROS, CII |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Khu vực | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ) | GTGD (VNĐ triệu USDmn) | Room còn lại (% -1d) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|-----------------|------------------|-----------------|-----------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|-------|-------|-------|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 114,900 | 388,641 (16,767) | 34,430 (1.5) | 22.0 | 76.8 | 41.1 | 48.4 | 5.3 | 8.2 | 4.9 | 4.4 | 0.0 | -0.1 | -0.1 | -0.1 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 87,400 | 287,504 (12,404) | 52,651 (2.3) | 34.0 | 15.3 | 10.6 | 37.8 | 33.4 | 36.0 | 4.9 | 3.4 | -2.2 | 1.5 | 2.2 | 3.1 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 30,950 | 70,328 (3,034) | 27,493 (1.2) | 16.1 | 26.2 | 20.3 | 18.1 | 9.6 | 10.7 | 2.4 | 2.2 | -5.1 | -5.6 | -10.3 | -9.0 |
| | NVL | NOVA LAND INVES | 55,100 | 53,422 (2,305) | 17,178 (0.7) | 31.6 | 17.9 | 17.0 | -4.3 | 14.4 | 12.0 | 2.3 | - | -1.6 | -1.6 | -5.8 | -7.4 |
| | KDH | KHANGDIENHOUSE | 25,500 | 13,883 (599) | 6,189 (0.3) | 4.4 | 11.4 | 10.3 | 20.7 | 15.0 | 14.8 | 1.7 | 1.5 | -1.5 | -1.2 | -5.6 | -5.2 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 12,400 | 6,486 (278) | 17,154 (0.7) | 3.6 | 4.3 | 3.1 | 3.3 | 18.0 | 22.7 | 0.8 | - | -5.0 | -6.8 | -15.4 | -14.5 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 88,900 | 329,719 (14,225) | 100,073 (4.3) | 6.2 | 15.8 | 13.6 | 23.7 | 24.6 | 22.5 | 3.1 | 2.6 | -4.8 | -0.7 | -2.3 | -1.4 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 52,700 | 211,960 (9,144) | 44,100 (1.9) | 12.0 | 24.0 | 19.8 | 15.9 | 14.1 | 14.5 | 2.5 | 2.4 | -5.0 | -2.4 | 14.3 | 14.2 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 22,900 | 80,153 (3,458) | 53,789 (2.3) | 0.0 | 7.3 | 6.3 | 8.1 | 17.0 | 16.4 | 1.1 | 0.9 | -5.4 | -1.7 | -2.3 | -2.8 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 24,350 | 90,665 (3,912) | 149,225 (6.4) | 0.3 | 9.8 | 7.9 | 30.5 | 13.4 | 13.4 | 1.1 | 0.9 | -4.9 | -2.2 | 15.7 | 16.5 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,700 | 55,337 (2,387) | 54,884 (2.4) | 0.0 | 5.8 | 5.1 | 13.6 | 20.0 | 19.3 | 1.1 | 0.9 | -3.8 | 3.9 | 14.6 | 13.5 |
| | MBB | MILITARYCOMMERC | 21,250 | 49,421 (2,132) | 98,443 (4.2) | 0.0 | 6.5 | 5.9 | 15.5 | 21.2 | 20.9 | 1.3 | 1.1 | -5.1 | -3.4 | 1.4 | 2.2 |
| | HDB | HDBANK | 27,950 | 26,906 (1,161) | 44,815 (1.9) | 6.8 | 8.6 | 7.3 | 12.8 | 18.7 | 19.5 | 1.5 | 1.3 | -3.6 | -2.4 | 3.9 | 1.5 |
| | STB | SACOMBANK | 10,350 | 18,668 (805) | 48,679 (2.1) | 11.6 | 6.4 | 5.0 | 56.6 | 10.3 | 13.2 | 0.6 | 0.6 | -5.0 | -0.5 | 2.5 | 3.0 |
| | TPB | TIENPHONGCOMME | 21,400 | 17,689 (763) | 2,555 (0.1) | 0.0 | 5.5 | 4.8 | 33.5 | 22.4 | 21.3 | 1.1 | - | -0.5 | -2.3 | 1.4 | 1.7 |
| | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 17,950 | 22,068 (952) | 2,665 (0.1) | 0.0 | 27.9 | - | 9.4 | 8.0 | 10.0 | 1.3 | - | 2.9 | 2.3 | 0.8 | 0.8 |
| Bảo hiểm | BVH | BAOVIET HOLDING | 63,100 | 46,841 (2,021) | 8,642 (0.4) | 19.5 | 33.6 | 13.7 | 8.0 | 8.8 | 16.6 | 2.5 | 2.1 | -5.8 | -4.4 | -9.1 | -8.0 |
| | BMI | BAOMINHINSURANC | 24,900 | 2,275 (098) | 712 (0.0) | 11.4 | - | - | - | - | - | - | - | -4.2 | -2.4 | 0.4 | 0.4 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 18,500 | 9,584 (413) | 28,160 (1.2) | 44.9 | 4.2 | 7.9 | 33.9 | 10.5 | 11.4 | 0.8 | 0.9 | -4.1 | -3.1 | 1.9 | 2.5 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,000 | 4,437 (191) | 851 (0.0) | 64.0 | 7.4 | 6.2 | -14.5 | 13.9 | 14.8 | 1.0 | 0.9 | -5.6 | -5.3 | -8.5 | -8.5 |
| | HCM | HOCHIMINH CITY | 20,650 | 6,309 (272) | 20,439 (0.9) | 43.6 | 12.1 | 7.1 | -16.4 | 11.5 | 17.7 | 1.3 | 1.2 | -7.0 | -5.5 | -1.4 | -3.3 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 14,950 | 3,118 (135) | 2,112 (0.1) | 8.7 | 8.6 | 6.6 | -4.2 | 12.3 | 15.1 | 0.9 | 0.9 | -1.0 | 3.8 | 4.2 | 3.8 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIETNAM DAIRYP | 116,600 | 203,045 (8,760) | 72,535 (3.1) | 41.2 | 20.9 | 19.6 | 6.9 | 38.9 | 38.7 | 7.2 | 6.6 | -3.9 | -1.4 | 0.1 | 0.1 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 218,000 | 139,799 (6,031) | 6,402 (0.3) | 36.6 | 24.6 | 18.8 | 19.7 | 32.0 | 36.8 | 6.9 | 6.1 | -6.2 | -6.6 | -5.2 | -4.4 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 50,100 | 58,564 (2,527) | 31,342 (1.4) | 9.8 | 13.7 | 10.6 | -14.7 | 11.7 | 16.2 | 1.5 | 1.3 | -6.2 | -10.9 | -12.3 | -11.3 |
| HNG | HOANGANH GIA LA | 13,900 | 15,409 (665) | 2,384 (0.1) | 48.6 | - | - | - | - | - | - | - | - | -1.1 | -0.4 | -0.7 | 0.0 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 140,000 | 73,337 (3,164) | 62,061 (2.7) | 10.5 | 13.3 | 12.1 | 10.1 | 38.7 | 37.8 | 4.6 | 3.7 | -4.4 | -4.1 | -3.0 | -4.2 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 20,500 | 6,087 (263) | 6,325 (0.3) | 0.0 | 11.1 | 10.9 | -44.5 | 9.4 | 9.2 | 1.0 | 1.0 | -4.9 | -3.3 | -12.0 | -12.0 |
| | CII | HOCHIMINH CITY | 25,000 | 6,196 (267) | 13,437 (0.6) | 19.0 | 12.2 | 11.1 | 147.6 | 11.0 | 12.2 | - | - | -2.0 | -3.8 | 10.6 | 11.1 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 10,000 | 5,676 (245) | 108,312 (4.7) | 45.0 | - | - | - | - | - | - | - | -2.9 | -4.8 | -46.2 | -42.2 |
| | GEX | VIETNAM ELECTRIC | 19,700 | 9,618 (415) | 9,763 (0.4) | 33.5 | 7.9 | 9.9 | -2.5 | 13.2 | 13.3 | 1.5 | 1.4 | -0.5 | 0.0 | 1.8 | 1.8 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 52,900 | 4,036 (174) | 5,895 (0.3) | 1.9 | 6.3 | 7.5 | -30.7 | 7.9 | 6.3 | 0.5 | - | -0.9 | 7.3 | 0.0 | 3.1 |
| | REE | REE | 35,800 | 11,100 (479) | 25,326 (1.1) | 0.0 | 6.2 | 5.6 | 0.4 | 15.8 | 15.0 | 1.0 | - | -3.2 | -1.6 | -2.3 | -1.4 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Khu vực | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ) | GTGD (VNĐtỷ triệu USDmn) | Room còn lại (% -1đ) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|----------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiền ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 92,000 | 176,083 (7,597) | 25,792 (1.1) | 45.4 | 14.6 | 13.8 | 2.5 | 25.2 | 25.5 | 3.4 | 3.2 | -3.1 | -1.4 | -4.6 | -1.8 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 19,800 | 5,700 (246) | 4,544 (0.2) | 30.5 | 8.0 | 7.2 | -2.6 | 18.4 | 19.7 | 1.5 | - | 3.9 | 6.2 | -8.8 | -8.5 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,450 | 8,480 (366) | 3,852 (0.2) | 32.7 | 9.2 | 8.9 | -9.1 | 16.3 | 16.6 | 1.5 | - | 0.4 | 2.1 | -2.0 | -1.7 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOAPHATGRP JSC | 25,300 | 69,855 (3,014) | 164,291 (7.1) | 10.5 | 9.8 | 7.9 | 2.5 | 16.8 | 18.0 | 1.5 | 1.3 | -3.8 | 0.0 | 7.0 | 7.7 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 12,450 | 4,872 (210) | 3,419 (0.1) | 30.1 | 11.0 | 8.4 | -16.2 | 6.2 | 7.7 | 0.6 | 0.6 | -1.2 | -0.4 | -4.6 | -3.9 |
| | DCM | PETROCA MAU FER | 5,950 | 3,150 (136) | 1,459 (0.1) | 46.6 | 7.9 | 9.6 | - | 6.4 | 5.3 | 0.5 | 0.5 | -2.1 | -0.3 | -10.3 | -8.5 |
| | HSG | HOA SENG GROUP | 8,660 | 3,665 (158) | 39,415 (1.7) | 31.1 | 9.5 | 7.1 | -5.5 | 7.2 | 8.3 | 0.6 | 0.5 | -3.6 | 1.6 | 8.9 | 10.9 |
| | AAA | ANPHATBIOPLAST | 12,100 | 2,072 (089) | 19,081 (0.8) | 37.1 | 5.4 | - | 49.2 | 16.3 | - | 0.7 | - | -4.0 | -2.4 | -4.0 | -4.7 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 55,400 | 65,971 (2,846) | 15,489 (0.7) | 6.6 | 16.6 | 15.9 | 11.9 | 18.8 | 19.3 | 3.1 | 3.1 | -3.3 | -0.5 | -1.1 | -1.1 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 14,250 | 6,001 (259) | 42,836 (1.8) | 30.3 | 27.1 | 10.1 | 21.2 | 1.8 | 4.6 | 0.4 | 0.5 | -4.7 | -3.1 | -6.3 | -5.3 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 14,300 | 4,025 (174) | 5,266 (0.2) | 17.0 | 6.2 | 5.7 | 6.9 | 13.4 | 13.8 | 0.8 | 0.7 | -3.4 | -7.7 | -15.4 | -14.9 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILEWORLD INV | 114,000 | 51,666 (2,229) | 70,934 (3.1) | 0.0 | 10.8 | 9.1 | 25.7 | 33.7 | 31.7 | 3.2 | 2.5 | -4.4 | -1.2 | 0.0 | 0.0 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,700 | 19,749 (852) | 69,143 (3.0) | 0.0 | 14.9 | 13.2 | 20.3 | 27.8 | 27.3 | 3.5 | 3.1 | -3.9 | -2.4 | 1.4 | 2.0 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 37,000 | 1,092 (047) | 1,030 (0.0) | 68.2 | 22.3 | - | -40.0 | 3.6 | - | 0.8 | - | -0.3 | -0.1 | -1.9 | 0.0 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 17,150 | 1,355 (058) | 3,200 (0.1) | 2.0 | 4.3 | 4.3 | -3.9 | 21.1 | 18.8 | 0.9 | 0.8 | -6.3 | -5.0 | -23.8 | -18.5 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 39,000 | 5,284 (228) | 13,179 (0.6) | 43.0 | 4.9 | 4.8 | 31.3 | 30.8 | 35.3 | 1.7 | 1.5 | -2.5 | -2.7 | 1.3 | 2.1 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 93,000 | 12,159 (525) | 2,521 (0.1) | 45.6 | 19.1 | 17.7 | 4.0 | 20.0 | 20.0 | 3.5 | 3.2 | 5.7 | 6.4 | 1.1 | 1.6 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 54,500 | 4,088 (176) | 322 (0.0) | 37.9 | - | - | - | - | - | - | - | 0.9 | 0.9 | 0.4 | 0.4 |
| IT | FPT | FPT CORP | 54,700 | 37,102 (1,601) | 88,765 (3.8) | 0.0 | 11.8 | 9.8 | 26.6 | 24.3 | 25.2 | 2.5 | 2.2 | -3.2 | -5.7 | -6.7 | -6.2 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.